

TS. Phạm Sỹ Chung

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: chungkiev52@gmail.com

Ngày nhận: 10/12/2024

Ngày nhận bản sửa: 18/12/2024

Ngày duyệt đăng: 24/12/2024

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, quyền con người đã trở thành một trong những trọng tâm hàng đầu trong quan hệ quốc tế cũng như trong chính sách pháp luật của mỗi quốc gia. Công pháp quốc tế, với vai trò là hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế, không thể tách rời khỏi việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Quyền con người nói chung và quyền con người quy định trong luật quốc tế nói riêng là một phạm trù rộng lớn, nội dung bài viết chỉ đề cập những nội dung cơ bản về quyền con người theo tiếp cận của công pháp quốc tế, đồng thời, tóm lược việc thực thi pháp luật về quyền con người, trên cơ sở đó, nêu một số gợi mở với Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người cũng như hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền con người. Từ đó, giúp học viên cao học ngành Luật không chỉ có cái nhìn sâu rộng hơn về vai trò của quyền con người trong luật pháp quốc tế, mà còn trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để vận dụng các quy định pháp luật quốc tế về quyền con người trong thực tiễn ở Việt Nam.

Từ khóa: Quyền con người, công pháp quốc tế, thực thi pháp luật về quyền con người.

Human Rights Issues in International Public Law

Dr. Pham Sy Chung

Hoa Binh University

Corresponding Authors: chungkiev52@gmail.com

Abstract

In the context of globalization and international integration, human rights have become one of the top priorities in international relations and each country's legal policies. International public law, which consists of the legal norms governing these relations, is inherently linked to the protection and promotion of human rights.

Human rights, as a broad category, include those specifically articulated in international law. This article highlights the essential aspects of human rights from the perspective of international public law and summarizes the implementation of human rights law. Additionally, it provides recommendations for Vietnam to enhance its mechanisms for human rights protection. This article aims to offer graduate Law students a more comprehensive understanding of the significance of human rights in international law while equipping them with the practical skills necessary to apply international legal standards regarding human rights in the Vietnamese context.

Keywords: Human rights, international public law, law enforcement on human rights.

1. Khái lược về quyền con người

Quyền con người (human rights) là một khái niệm đa chiều, được tiếp cận từ nhiều lĩnh vực khác nhau như: triết học, tôn giáo, chính trị, xã hội, kinh tế và pháp lý. Định nghĩa này đã hình thành từ rất sớm trong lịch sử phát triển của loài người, và các trường phái lý thuyết đã đưa ra nhiều cách nhìn nhận khác nhau về bản chất của quyền con người. Theo trường phái luật tự nhiên (natural law), quyền con người là những giá trị bẩm sinh, vốn có của mỗi cá nhân, không thể bị tước đoạt bởi bất kỳ thế lực nào. Ngược lại, trường phái luật thực chứng (positive law) cho rằng quyền con người chỉ được công nhận khi có sự thừa nhận và bảo vệ từ phía nhà nước, tức là quyền này chỉ có hiệu lực khi được pháp luật quy định. Trường phái chính sách (policy-oriented movement) lại nhấn mạnh rằng quyền con người là kết quả của quá trình hoạch định chính sách và cải cách chính trị của nhà nước, nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và bình đẳng. Những cuộc cách mạng tư sản, chẳng hạn như cách mạng Hoa Kỳ và Pháp, đã sử dụng các khẩu hiệu về quyền con người như “bình đẳng, bác ái” để tập hợp lực lượng, chống lại chế độ phong kiến và xây dựng các xã hội mới, nơi quyền con người được tôn trọng và bảo vệ. Điều này được minh chứng qua các tuyên bố lịch sử như: Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ năm 1776 và Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Pháp năm 1789, cũng như Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những tuyên bố này không chỉ xác nhận quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân, mà còn đặt nền móng cho việc pháp điển hóa quyền con người trong nhiều hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế (Trương Hồng Quang, 2023).

Về các thuộc tính của quyền con người, theo Trương Hồng Quang (2023), quyền con người được xem là một trong những giá trị cao cả nhất của nhân loại, và nó mang trong mình những thuộc tính cơ bản, thể hiện qua sự công nhận của cộng đồng quốc tế. Một trong những thuộc tính quan trọng nhất là tính phổ quát, thể hiện ở chỗ quyền con người là những gì vốn có của mỗi cá nhân, không phân biệt giới tính, chủng

tộc, tôn giáo, quốc tịch hay địa vị xã hội. Quyền con người áp dụng cho tất cả các thành viên của gia đình nhân loại, và tất cả đều có quyền được bảo vệ trước các hành vi xâm phạm từ phía nhà nước hay cá nhân khác. Tuy nhiên, tính phổ quát không có nghĩa là mọi cá nhân đều được hưởng quyền ngang nhau, mà là mỗi người đều có cơ hội thụ hưởng quyền của mình theo tư cách chủ thể và những điều kiện xã hội, kinh tế cụ thể. Bên cạnh đó, quyền con người còn mang tính không thể chuyển nhượng (inalienable), nghĩa là, không ai, kể cả Nhà nước, có thể tùy tiện tước bỏ hoặc hạn chế các quyền cơ bản của một cá nhân, trừ khi điều đó được luật pháp quy định nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng hoặc của cá nhân khác. Cuối cùng, quyền con người có tính không thể phân chia và phụ thuộc lẫn nhau, có nghĩa là, các quyền con người đều có giá trị như nhau và không thể tước bỏ một quyền mà không ảnh hưởng đến các quyền khác. Một vi phạm đối với một quyền sẽ tác động tiêu cực đến toàn bộ hệ thống quyền, và ngược lại, việc bảo vệ một quyền có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ các quyền khác. Ví dụ, quyền tự do ngôn luận không thể bị tước bỏ mà không ảnh hưởng đến quyền tự do hội họp hoặc quyền tự do thân thể. Sự liên kết giữa các quyền này thể hiện rõ nét trong các văn kiện quốc tế về quyền con người, trong đó, quyền con người được hiểu là một tổng thể thống nhất, không thể bị tách rời hay xem xét một cách riêng lẻ.

Về các thể hệ quyền con người, quyền con người được phân thành ba thể hệ dựa trên sự phát triển của xã hội và những nhu cầu mới nảy sinh từ thực tiễn. Khái niệm này được đề xuất bởi luật gia người Séc, Karel Vasak, vào năm 1977 (theo Trương Hồng Quang, 2023), với mục đích phân tích lịch sử hình thành và phát triển của quyền con người. Thể hệ thứ nhất của quyền con người bao gồm các quyền dân sự và chính trị, chủ yếu liên quan đến tự do cá nhân và quyền tham gia vào đời sống chính trị. Những quyền này, như: quyền tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, quyền được xét xử công bằng và quyền bầu cử, được phát triển từ cuộc đấu tranh chống lại chế độ phong kiến và sự lạm quyền của nhà nước, chủ yếu trong bối cảnh các cuộc cách

mạng tư sản ở châu Âu. Thế hệ thứ hai, xuất hiện vào thế kỷ 19, tập trung vào các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, như: quyền được giáo dục, quyền có công việc và quyền được chăm sóc sức khỏe. Những quyền này đòi hỏi nhà nước phải có những cam kết tích cực nhằm bảo đảm bình đẳng về điều kiện và cơ hội cho tất cả mọi người. Thế hệ thứ ba, ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bao gồm các quyền tập thể, như: quyền phát triển, quyền tự quyết dân tộc, quyền được sống trong môi trường trong lành và quyền hòa bình. Các quyền này phản ánh nhu cầu của các quốc gia đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, nơi mà quyền của cá nhân không thể tách rời khỏi quyền của cộng đồng. Mặc dù các quyền thuộc thế hệ thứ ba chưa được pháp điển hóa đầy đủ trong các điều ước quốc tế, nhưng chúng ngày càng được công nhận và đóng vai trò quan trọng trong các văn kiện luật mềm (soft law). Ba thế hệ quyền con người này thể hiện sự tiến hóa không ngừng của khái niệm quyền con người, từ việc bảo vệ tự do cá nhân đến bảo đảm sự phát triển bền vững và công bằng cho cả cộng đồng quốc tế (Trương Hồng Quang, 2023).

2. Nghĩa vụ của các quốc gia về quyền con người

Nghĩa vụ tôn trọng yêu cầu các quốc gia phải công nhận, tôn trọng và kiềm chế không can thiệp, dù trực tiếp hay gián tiếp, vào quá trình thụ hưởng quyền con người của các chủ thể. Đây được xem là nghĩa vụ thụ động (negative obligation) vì nó không đòi hỏi các quốc gia phải chủ động thực hiện các biện pháp hỗ trợ công dân trong việc thực thi quyền của mình. Theo Nguyễn Đăng Dung và các cộng sự (2012), quyền con người không chỉ là đặc quyền tự nhiên mà còn phải được công nhận và bảo đảm thông qua hệ thống pháp luật và chính sách quốc gia.

Nghĩa vụ bảo vệ đòi hỏi các quốc gia phải ngăn chặn sự vi phạm quyền con người từ các bên thứ ba. Đây là một nghĩa vụ chủ động (positive obligation), yêu cầu quốc gia phải đưa ra những biện pháp và xây dựng các cơ chế nhằm phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm quyền con người. Theo Tô Thị Phương Dung (2021), Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ quyền con người bằng cách áp dụng các

biện pháp pháp lý để ngăn chặn sự tái diễn của các vi phạm, tạo nên sự tôn trọng chung trong toàn xã hội. Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam đã xác định rõ rằng bảo vệ quyền con người là nghĩa vụ của nhà nước, và việc không xử lý kịp thời các vi phạm là trách nhiệm của quốc gia.

Nghĩa vụ này đòi hỏi quốc gia phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm việc thụ hưởng đầy đủ các quyền con người cho công dân. Đây là nghĩa vụ chủ động, yêu cầu quốc gia phải có kế hoạch và chương trình cụ thể để tạo điều kiện cho mọi người có thể thụ hưởng đến mức cao nhất các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Theo Nguyễn Đăng Dung (2015), việc bảo đảm quyền con người cần được thực hiện một cách liên tục và đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách quốc gia và cam kết quốc tế. Điều này bao gồm việc đưa ra các biện pháp cụ thể, như: cấm lao động cưỡng bức, đảm bảo giáo dục miễn phí cho trẻ em, và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhân dân.

3. Những hạn chế đối với quyền con người trong luật quốc tế

Theo Luật Nhân quyền Quốc tế, các quốc gia thành viên có thể tạm thời đình chỉ việc thực hiện một số nghĩa vụ trong hoàn cảnh khẩn cấp nhằm bảo vệ sự tồn tại của quốc gia. Tuy nhiên, điều này phải được thực hiện theo các nguyên tắc và quy định chặt chẽ để tránh lạm dụng việc hạn chế quyền con người một cách tùy tiện.

Trong tình trạng khẩn cấp, các quốc gia có thể hạn chế hoặc đình chỉ một số quyền con người để đối phó với các mối đe dọa nghiêm trọng đối với quốc gia. Điều này được thừa nhận trong các văn kiện quốc tế như Công ước châu Âu về nhân quyền năm 1953 và Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Tuy nhiên, các biện pháp hạn chế này chỉ được phép áp dụng trong những tình huống đặc biệt và phải tuân thủ các nguyên tắc như: nguyên tắc không phân biệt đối xử, nguyên tắc cấp thiết của biện pháp, và nguyên tắc thông báo quốc tế. Những quy định này nhằm đảm bảo rằng quyền con người chỉ bị hạn chế trong các trường hợp thật sự cần thiết và không bị lạm dụng.

Pháp luật quốc tế về nhân quyền quy định rõ các quốc gia phải tuân thủ một số nguyên tắc khi hạn chế quyền con người trong tình trạng khẩn cấp. Các nguyên tắc này bao gồm việc chỉ áp dụng giới hạn khi thật sự cần thiết, bảo đảm quyền không thể bị từ bỏ như quyền sống, và không được vi phạm các nghĩa vụ quốc tế khác. Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) nêu rõ các điều kiện quốc gia phải đáp ứng, chẳng hạn như thông báo cho các cơ quan quốc tế và đảm bảo rằng các biện pháp hạn chế phải tương thích với các quyền khác và nghĩa vụ quốc tế của quốc gia.

4. Hệ thống các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người

Thế kỷ 20 đã ghi nhận sự hình thành một hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người, bao gồm các văn kiện quan trọng như: Hiến chương Liên Hợp Quốc (1945), Tuyên ngôn Nhân quyền (1948) và hai Công ước quốc tế năm 1966 về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền dân sự, chính trị. Ngoài ra, hệ thống còn bao gồm hàng trăm điều ước, công ước, nghị định thư và hướng dẫn khác được các quốc gia công nhận và thực thi.

4.1. Hiến chương Liên Hợp Quốc

Ban hành năm 1945, Hiến chương Liên Hợp Quốc là nền tảng pháp lý thành lập Liên Hợp Quốc và ghi nhận nhiệm vụ bảo vệ quyền con người trên phạm vi toàn cầu. Hiến chương nêu rõ mục tiêu hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ các quyền này, không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hay tôn giáo, và kêu gọi các quốc gia phối hợp để thúc đẩy việc thực hiện quyền con người.

4.2. Bộ luật quốc tế về quyền con người

Bộ luật quốc tế về quyền con người, được nêu trong Nghị quyết số 43 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc năm 1946, bao gồm các văn kiện như: Tuyên ngôn Nhân quyền và các công ước đề cập đến quyền cụ thể.

Thứ nhất, Tuyên ngôn Nhân quyền (1948) là văn kiện đầu tiên trong Bộ luật này, với 30 điều quy định về quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuyên ngôn khẳng định các nguyên tắc cơ bản như: quyền sống, tự do, bình đẳng và yêu cầu quyền con người phải được bảo vệ bởi pháp luật.

Thứ hai, công ước về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội (1976) với 31 điều, quy định các

quyền cơ bản như: quyền lao động, giáo dục, và tiêu chuẩn sống thích đáng. Công ước nhấn mạnh sự cam kết của các quốc gia thành viên trong việc bảo vệ các quyền này thông qua biện pháp pháp lý và hợp tác quốc tế.

Thứ ba, công ước về các quyền dân sự và chính trị (1976), với 53 điều, tập trung vào việc bảo vệ các quyền như: quyền tự do ngôn luận, quyền không bị tra tấn và quyền được xét xử công bằng.

4.3. Một số điều ước quốc tế khác quan trọng về quyền con người

Thứ nhất là công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Có hiệu lực từ năm 1969, Công ước này gồm 25 điều, yêu cầu các quốc gia thành viên cam kết không thực hiện và không khuyến khích phân biệt chủng tộc, đồng thời, bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi người.

Thứ hai là công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Công ước này có hiệu lực từ năm 1980, với 30 điều, cam kết loại bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, và văn hóa, đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

Thứ ba là công ước quốc tế về quyền trẻ em. Công ước này có hiệu lực từ năm 1989, với 54 điều, bảo vệ quyền của trẻ em như: quyền được sống, được phát triển, và được bảo vệ khỏi các hình thức bóc lột và ngược đãi. Công ước quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi và mọi hành động liên quan đến trẻ em phải ưu tiên lợi ích tốt nhất cho các em.

5. Thực trạng áp dụng luật quốc tế về quyền con người

5.1. Thực trạng áp dụng luật quốc tế về quyền con người ở một số khu vực trên thế giới

Một là, ở khu vực châu Âu, là khu vực tiên phong trong việc thiết lập các chế định về quyền con người. Năm 1950, các quốc gia châu Âu đã ký Công ước về bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người, có hiệu lực từ năm 1953. Đây là điều ước khu vực đầu tiên trên thế giới về quyền con người, và là điều kiện để các quốc gia gia nhập Hội đồng châu Âu. Công ước này bao gồm các quyền cơ bản như: quyền sống, quyền không bị tra tấn, tự do tôn giáo và ngôn

luận, quyền kết hôn, và không bị phân biệt đối xử. Công ước đã được bổ sung và sửa đổi bằng nhiều nghị định thư để mở rộng và nâng cao hiệu quả giám sát thực thi quyền con người.

Hai là, ở khu vực châu Mỹ, là khu vực đầu tiên xây dựng và phát triển hệ thống pháp lý bảo vệ quyền con người với việc thông qua Tuyên bố châu Mỹ về các quyền và nghĩa vụ của con người vào năm 1948. Năm 1969, các nước châu Mỹ ký Công ước châu Mỹ về quyền con người, thành lập hai cơ quan giám sát chính: Ủy ban liên Mỹ về quyền con người và Tòa án liên Mỹ về quyền con người. Ủy ban này có nhiệm vụ giám sát và chuyển các đơn khiếu nại liên quan đến vi phạm quyền con người đến Tòa án. Tòa án liên Mỹ có thẩm quyền xét xử và tư vấn về các vụ việc nhưng không có thẩm quyền bắt buộc, và các quốc gia thành viên có thể lựa chọn công nhận hoặc từ chối thẩm quyền của Tòa án.

Ba là, ở khu vực châu Phi, Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền các dân tộc (1981) là nền tảng pháp lý cho cơ chế bảo vệ quyền con người ở châu Phi. Hiến chương này ngoài việc quy định các quyền cơ bản, còn nhấn mạnh quyền của các dân tộc như: quyền tự do, độc lập và tự quyết. Hệ thống giám sát thực thi quyền con người của châu Phi bao gồm Ủy ban châu Phi về quyền con người và quyền các dân tộc cùng Tòa án châu Phi về công lý và quyền con người. Phán quyết của Tòa án có tính ràng buộc và được giám sát bởi Liên minh châu Phi.

Bốn là, ở khu vực Đông Nam Á, nổi bật với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và việc thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người (AICHR) vào năm 2009. Tuy nhiên, AICHR không có thẩm quyền độc lập, mà chỉ hoạt động dưới sự kiểm soát của các quốc gia thành viên. Năm 2012, ASEAN thông qua Tuyên bố về quyền con người, ghi nhận các quyền thế hệ thứ nhất và thứ hai, cùng một số quyền thế hệ thứ ba như: quyền có môi trường an toàn và quyền phát triển bền vững.

5.2. Thực trạng áp dụng luật quốc tế về quyền con người ở Việt Nam

Việt Nam đã gia nhập và ký kết hầu hết các

Công ước quốc tế về quyền con người, đồng thời, nội luật hóa các quy định này vào hệ thống pháp luật quốc gia. Gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người trên không gian điện tử, bao gồm mạng xã hội và internet. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hiểu lầm về việc thực thi quyền con người khi một số người lợi dụng quyền này để vi phạm pháp luật, xuyên tạc chế độ hoặc xúc phạm người khác. Quyền con người tại Việt Nam luôn được thực thi trong khuôn khổ luật pháp nhằm bảo vệ trật tự xã hội và tôn trọng quyền của người khác.

Trong lĩnh vực tôn giáo, Việt Nam đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động tự do và bình đẳng. Hiện có 15 tôn giáo lớn hoạt động tại Việt Nam, trong đó, Phật giáo có số lượng tín đồ đông nhất, tiếp theo là Công giáo và Tin lành. Chính quyền đã hỗ trợ các tổ chức tôn giáo trong việc cải tạo cơ sở vật chất và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Quốc tế đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo, và hiện nay, Việt Nam đang là thành viên không thường trực của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2023-2025.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, Việt Nam vẫn đối mặt với một số khó khăn trong việc áp dụng luật quốc tế về quyền con người.

Thứ nhất, nguyên tắc hạn chế quyền con người và quyền công dân, được quy định tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013, chưa rõ ràng về các trường hợp có thể hạn chế quyền và cần làm rõ khái niệm như “trường hợp cần thiết” hoặc “lý do quốc phòng, an ninh quốc gia”.

Thứ hai, việc tạm đình chỉ quyền con người và quyền công dân vẫn chưa được quy định rõ ràng trong Hiến pháp, dẫn đến những vi phạm tiềm tàng trong quá trình thực thi. Một số cơ quan Nhà nước có thể ban hành các quy định hành chính hạn chế quyền con người vượt mức cần thiết.

Thứ ba, mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận các quyền như quyền lập hội và biểu tình, nhưng cho đến nay, vẫn chưa có cơ chế

cụ thể để các cá nhân thực hiện quyền này, gây ra những thách thức trong việc áp dụng thực tiễn.

6. Một số gợi mở về việc hoàn thiện pháp luật về quyền con người ở Việt Nam

Để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng được các mục tiêu bảo đảm an ninh con người phục vụ chiến lược phát triển pháp luật của Việt Nam, thời gian tới cần:

Thứ nhất, tiếp tục ký kết và gia nhập các điều ước quốc tế về quyền con người.

Việt Nam hội nhập sâu rộng giúp các chủ thể quốc tế, quốc gia và địa phương phối hợp tốt hơn để ứng phó với các thách thức an ninh cá nhân không biên giới như: biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư... nhằm khắc phục các hậu quả, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và duy trì cam kết chính trị.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền con người, quyền công dân.

Cụ thể, Việt Nam cần sớm ban hành Luật về bảo vệ dữ liệu thông tin cá nhân, Luật tình trạng khẩn cấp. Hoàn thiện các quy định của pháp luật còn bất cập, vướng mắc gây ảnh hưởng đến an ninh con người trong các lĩnh vực như: kinh tế, đầu tư, sở hữu, an sinh xã hội, đất đai, môi trường, an toàn cá nhân...

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp của các cán bộ làm việc trong lĩnh vực nhân quyền.

Thứ tư, nghiên cứu xây dựng tiêu chí để bảo đảm quyền con người trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhìn chung, Việt Nam đang từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quyền con người, nhưng vẫn cần có những cải tiến rõ ràng và cụ thể để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của mọi công dân được bảo vệ chặt chẽ hơn.

Tài liệu tham khảo

- Dairiam, S. (2005). *Progress, achievements, constraints and key priorities*. Commonwealth Secretariat.
- Gadkowski, T. (2017). The principle of self-determination in the context of human rights. *Adam Mickiewicz University Law Review*, 7, 25-36.
- Nguyễn Đăng Dung. (2015). Quyền con người và việc bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người theo Hiến pháp năm 2013. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*.
- Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao và Lê Khánh Tùng. (2009). *Lý luận và pháp luật về quyền con người*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Dung và các cộng sự. (2012). *Hỏi đáp về quyền con người*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tô Thị Phương Dung. (2021). *Nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người*. Luật Minh Khuê.
- Trương Hồng Quang. (2023). *Khái luận chung về quyền con người và thể hệ quyền con người*. *Dân chủ và Pháp luật*.
- Thio, L. (2020). Equality and non-discrimination in international human rights law (Special Report No. 240). *The Heritage Foundation*.
- United Nations. (1945). *Charter of the United Nations and Statute of the International Court of Justice*. United Nations.
- United Nations. (1994). *Human rights: Questions and answers*. Geneva: United Nations.
- United Nations. (2000). *Human rights training: A manual on human rights training methodology*. New York and Geneva: United Nations.
- United Nations. (2011). *Guiding principles on business and human rights: Implementing the United Nations 'Protect, Respect and Remedy' framework*. United Nations.
- United Nations General Assembly. (1948). *Universal Declaration of Human Rights*. United Nations.
- United Nations General Assembly. (1966). *International Covenant on Civil and Political Rights*. United Nations.
- United Nations General Assembly. (1966). *International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights*. United Nations.